

Số: **1284/2020/QĐST-HNGĐ**

*B, ngày 22 tháng 9 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ**

Căn cứ vào Điều 212 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điều 9, 11 Luật hôn nhân và gia đình 2000;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1863/2020/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, giữa:

Người yêu cầu: Ông Phạm Hữu T, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: 205/2, đường cách mạng tháng 8, phường 4, quận 3, TP HCM

Người yêu cầu: Bà Trần Thị H, sinh năm: 1978.

Địa chỉ: tổ 42, khu phố 4, phường T, thành phố B, Đ

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Ngày 14/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố B đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông T bà H không đoàn tụ được với nhau, tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết việc ly hôn nên Tòa án lập biên bản ghi nhận như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Hữu T và bà Trần Thị H thuận tình ly hôn.
2. Về con chung: Có 02 cháu là Phạm Hữu Phát, sinh ngày 02/02/2015 và cháu Phạm Hữu Đạt, sinh ngày 09/3/2010. Khi ly hôn hai vợ chồng thống nhất giao cháu Phát cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đạt cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T cấp dưỡng nuôi cháu Phát 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/tháng cho đến khi cháu Phát đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm thời không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi cháu Đạt.

Ông T, bà H được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết ông T, bà H được quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về lệ phí: Ông T, bà H tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Hữu T và bà Trần Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 cháu là Phạm Hữu Phát, sinh ngày 02/02/2015 và cháu Phạm Hữu Đạt, sinh ngày 09/3/2010. Khi ly hôn hai vợ chồng thống nhất giao cháu Phát cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đạt cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T cấp dưỡng nuôi cháu Phát 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)/tháng kể từ ngày có quyết định của Tòa án cho đến khi cháu Phát đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tạm thời không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi cháu Đạt.

Ông T, bà H được quyền thăm nom con không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết ông T, bà H được quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kể từ ngày bà H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T không cấp dưỡng nuôi con với số tiền như thỏa thuận nêu trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông T, bà H phải nộp 300.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0006533 ngày 13/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

## **THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND TP. B;
- UBND xã phường 4, quận 3, TPHCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Trần Thị Cẩm**